TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2022/HS-ST
Ngày 30/12/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Chu Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thiện Lợi;
2. Ông Phạm Đức Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Bình tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 190/2022/HSST ngày 01 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐHPT-HS ngày 20 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo: **Đinh Tuấn V**, sinh ngày 02/10/1990, tại T; nơi cư trú: Số nhà 13, ngõ 26, phố T1, tổ 09, phường B, thành phố T, tỉnh T. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đinh Văn S và bà Phạm Thị N; vợ: Phạm Quỳnh A; con: Có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo tham gia nghĩa vụ quân sự từ tháng 9/2010 đến tháng 12/2011; bị bắt tạm giam từ ngày 12/7/2022 đến nay.

*** Bị hại**: Anh Bùi Văn K, sinh năm 1976 và chị Vũ Thị T2, sinh năm 1978; đều cư trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh T.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Ông Đinh Văn S, sinh năm 1963; nơi cư trú: Số nhà 20/23/07, tổ 14, phường T3, thành phố T, tỉnh T.

* **Người làm chứng**:

- Bà Bùi Thị C, sinh năm 1970; nơi cư trú: Số nhà 175, đường N1, tổ 23, phường T4, thành phố T, tỉnh T.

- Chị Nguyễn Thị Hương G, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số nhà 16, ngõ 171, phường T5, thành phố T, tỉnh T.

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vắng mặt người làm chứng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 08 năm 2021, Đinh Tuấn V làm lái xe cho Trung tâm giao dịch bất động sản H1 do bà Bùi Thị C làm chủ. Quá trình làm việc, Đinh Tuấn V biết bà C đã trúng đấu giá quyền sử dụng 10 lô đất ở tại khu quy hoạch dân cư giáp sân vận động trung tâm xã, thuộc thôn L, xã V1, huyện T7, tỉnh T. Tháng 12 năm 2021 V xin nghỉ làm việc cho bà C. Ngày 15/02/2022, vợ chồng anh Bùi Văn K và chị Vũ Thị T2 đến thôn L, xã V1, huyện T7 tìm mua đất. Thấy số điện thoại của V dán tại khu đất, chị T2 gọi đến số điện thoại của V hỏi thông tin để mua đất. Mặc dù không còn làm việc cho Trung tâm giao dịch bất động sản H1, không được bà C giao tư vấn và thực hiện các thủ tục giao dịch liên quan đến các lô đất trên nhưng do cần tiền chi tiêu cá nhân, V đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị T2 và anh K. V nói dối chị T2, anh K rằng mẹ V là chủ Trung tâm giao dịch bất động sản H1 đã trúng đấu giá 10 lô đất trong đó đã bán được 05 lô đất, còn lại 05 lô đất chưa bán được gồm các lô số 47, 48, 49, 50, 51. V sử dụng tài khoản Zalo đăng ký bằng số điện thoại 0981214982 để trao đổi thông tin, tư vấn bán đất với tài khoản Zalo đăng ký bằng số điện thoại 0963766809 của chị T2. Sau khi bàn bạc, anh K, chị T2 thống nhất mua 02 lô đất gồm: Lô đất số 49 với giá 720.000.000 đồng và lô đất số 50 với giá 680.000.000 đồng, tiền đặt cọc 02 lô đất là 200.000.000 đồng. V đã hẹn anh K, chị T2 đến Trung tâm giao dịch bất động sản H1 vào 18 giờ 30 phút ngày 16/02/2022 để làm thủ tục đặt cọc. V đi mua 01 quyển mẫu hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất và 01 hộp mực lăn tay màu đỏ. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 16/02/2022, anh K, chị T2 gặp V tại vỉa hè trước cửa Trung tâm giao dịch bất động sản H1. V nói dối anh K, chị T2 rằng trung tâm mở thêm dịch vụ karaoke vào buổi tối nên đề nghị làm hợp đồng đặt cọc ở bên ngoài vỉa hè và được anh K, chị T2 đồng ý. V cùng anh K, chị T2 ngồi tại bàn uống nước trước cửa trung tâm để thỏa thuận, giao dịch. V lập hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất theo quyển mẫu hợp đồng mang theo. Trong khi lập hợp đồng, anh K, chị T2 hỏi V về giấy tờ của 02 lô đất số 49, 50. Do không có giấy tờ của 02 lô đất trên nên V đã nói dối là cả 02 lô đất đều có giấy tờ hợp pháp và do mẹ của V giữ, hiện mẹ V không có ở nhà. Anh K, chị T2 yêu cầu V cho xem căn cước công dân và chụp ảnh quá trình lập hợp đồng đặt cọc. Do tin tưởng nên anh K, chị T2 đã đồng ý cùng V ký vào hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất, V ký vào mục "bên bán", anh K ký vào mục "bên mua" chị T2 ký vào mục người làm chứng rồi sử dụng hộp mực lăn tay màu đỏ điểm chỉ vào trong bản hợp đồng. V đưa cho anh K, chị T2 01 bản hợp đồng và giữ lại 01 bản hợp đồng. Ngay sau đó anh K chuyển số

tiền 200.000.000 đồng là tiền đặt cọc 02 lô đất từ tài khoản số 419704060014643 của mình mở tại Ngân hàng Q đến tài khoản số 0211000511113 của V mở tại Ngân hàng N2. Ngày 18/02/2022, anh K, chị T2 tiếp tục hỏi V để mua thêm lô đất số 51 tại Khu quy hoạch dân cư giáp sân vận động trung tâm xã, thôn L, xã V1, huyện T7. V tiếp tục hẹn anh K, chị T2 đến Trung tâm giao dịch bất động sản H1 vào 18 giờ 30 phút ngày 21/02/2022 để giao dịch.

Do nghi ngờ việc V hẹn giao dịch ngoài giờ hành chính nên sáng ngày 21/02/2022, anh K, chị T2 đến Trung tâm giao dịch bất động sản H1 để tìm hiểu thì được cho biết V đã nghỉ làm việc tại Trung tâm từ trước đó và lô đất số 49 và 50 đặt cọc mua của V đã bị hủy kết quả trúng đấu giá, chờ đấu giá lại. Sau đó, chị T2 gọi điện thoại cho V thì V thừa nhận đã nói dối vợ chồng chị và xin trả lại 200.000.000 đồng vào ngày 24/02/2022. Tuy nhiên, V không trả lại số tiền trên như đã hẹn mà bỏ trốn khỏi địa phương. Số tiền 200.000.000 đồng đã nhận của anh K, chị T2, V đã sử dụng để chi tiêu cá nhân hết.

- Kết luận giám định số 149/KL-KTHS (TL) ngày 11/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình: "Chữ ký, chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A (trừ chữ ký, chữ viết dưới các mục "NGƯỜI LÀM CHỨNG (*Ký và ghi rõ họ tên*)", "ĐẠI DIỆN BÊN B (*Ký và ghi rõ họ tên*)") so với chữ ký, chữ viết của Đinh Tuấn V trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 do cùng một người ký, viết ra".

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Bản cáo trạng số 205/CT-VKSTPTB ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị: Xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 12/7/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu hóa giá sung ngân sách nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus thu giữ của bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Ông Đinh Văn S là bố bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 110.000.000 đồng. Bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 90.000.000 nên buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 90.000.000 đồng. Ông Đinh Văn S không yêu cầu bị cáo phải trả lại ông S số tiền 110.000.000 đồng ông S đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại nên không đặt ra giải quyết.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí dân sự và án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không bào chữa và không có ý kiến tranh luận.

Anh Bùi Văn K, chị Vũ Thị T2 và ông Đinh Văn S không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố vụ án được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục nên các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và được chứng minh bằng:

- Đơn trình báo và lời khai của người bị hại.
- Hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất ngày 16/02/2022 giữa Đinh Tuấn V và anh Bùi Văn K.
- Kết luận giám định số 149/KL-KTHS (TL) ngày 11/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.
- Công văn 1879/TBI-KT ngày 21/10/2022 của Ngân hàng N2, chi nhánh T và Công văn số 31/VIBTB ngày 12/10/2022 của Ngân hàng Q, chi nhánh T thể hiện: ngày 16/02/2022, số tài khoản 419704060014643, chủ tài khoản Bùi Văn K có chuyển cho số tài khoản 0211000511113, chủ tài khoản Đinh Tuấn V số tiền 200,000,000 đồng với nội dung giao dịch "Coc 2 lo dat khu dau gia vu lang lo 49 lo 50".
- Quyết định số 8517/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá và Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 về việc hủy kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu quy hoạch dân cư giáp sân vận động trung tâm xã, thôn L, xã V1, huyện T7, tỉnh T của Ủy ban nhân dân huyện T7.
- Biên bản ghi lời khai của người làm chứng.
- Biên bản kiểm tra điện thoại của anh Bùi Văn K và chị Vũ Thị T2.

Cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Đinh Tuấn V không đấu giá và không có 02 lô đất số 49 và số 50 tại Khu quy hoạch dân cư giáp sân vận động trung tâm xã, thuộc thôn L, xã V1, huyện T7 nhưng do cần tiền chi tiêu cá nhân nên khoảng 18 giờ 30 phút ngày 16/02/2022, tại khu vực trước cửa Trung tâm giao dịch bất động sản H1, địa chỉ tại số 175, đường N1, tổ 23, phường T4,

thành phố T, Đinh Tuấn V đã dùng thủ đoạn gian dối, lập hợp đồng đặt cọc lừa bán 02 lô đất số 49 và 50, nhận tiền đặt cọc, chiếm đoạt 200.000.000 đồng của vợ chồng anh Bùi Văn K và chị Vũ Thị T2.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

...

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối làm cho bị hại tin tưởng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đặt cọc số tiền 200.000.000 đồng cho bị cáo. Do vậy cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm minh đối với bị cáo.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, là người có nhân thân tốt. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt:

[5.1] Hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần thiết phải xử phạt mức hình phạt nghiêm minh với hành vi phạm tội của bị cáo, tuy nhiên bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở thành người công dân có ích cho xã hội. Buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[5.2] Hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 điều 174 Bộ luật Hình sự quy định về hình phạt bổ sung, tuy nhiên bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 sim điện thoại số thuê bao 0981214952 mà V dùng để liên lạc với anh K, chị T2; 01 quyển mẫu hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất; 01 hộp mực lăn tay màu đỏ và 01 bản hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất mà V, anh K, chị T2 ký kết, V đã vứt đi, không nhớ rõ địa điểm nên cơ quan Điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình không quản lý được.

- Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus bị cáo dùng để liên lạc với bị hại thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu hóa giá nộp ngân sánh nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

[7.1] Bị cáo đã tác động gia đình, trả lại cho bị hại số tiền 110.000.000 đồng. Bị hại yêu cầu bị cáo tiếp tục trả tiếp số tiền 90.000.000 đồng. Buộc bị cáo tiếp tục trả cho bị hại số tiền 90.000.000 đồng.

[7.2] Ông Đinh Văn S không yêu cầu bị cáo phải trả lại ông S số tiền 110.000.000 đồng ông S đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại nên không đặt ra giải quyết.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự đối với số tiền chưa bồi thường cho bị hại. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Điều 106, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đinh Tuấn V phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đinh Tuấn V 07 (bẩy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 12/7/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Gia đình bị cáo đã trả cho bị hại số tiền 110.000.000 đồng. Buộc bị cáo tiếp tục trả cho bị hại số tiền 90.000.000 đồng.

- Ông Đinh Văn S không yêu cầu bị cáo phải trả lại ông S số tiền 110.000.000 đồng mà ông S đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại nên không đặt ra giải quyết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus thu giữ của bị cáo.

(Vật chứng Công an thành phố Thái Bình đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình ngày 30/11/2022).

5. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 4.500.000 đồng án phí dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/12/2022).

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- Tòa án ND tỉnh TB;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP Thái Bình;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Thái Bình;
- Cơ quan THAHS Công an TP Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Tuyết